

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 11 - TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2025/DS-ST

Ngày 12-09-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Tấn Tiên;

2. Ông Mai Văn Tự.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phượng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị L (L1), sinh năm 1982. Số CCCD 072182000533. Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1992. CCCD số 072192004090. Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là Xã D, tỉnh Tây Ninh).

\* **Bị đơn:**

- Bà Nguyễn Thị Bích H1, sinh năm 1980. Số CCCD 072180003606. Địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh).

- Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* **Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Từ năm 2015, bà Vũ Thị L nhiều lần cho bà Nguyễn Thị Bích H1 và ông Bùi Văn Đ vay tiền. Đến ngày 12/10/2018, các bên chốt lại số tiền nợ thì bà H1 và ông Đ

còn nợ bà L tổng cộng 96.500.000 đồng, thỏa thuận trả mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi thanh toán xong. Do đó, bà H1 đã viết giấy xác nhận khoản vay này như bà L đã nộp cho Tòa án. Mặc dù ông Đ không trực tiếp nhận tiền vay, nhưng bà L có gọi điện thoại trao đổi nên ông Đ biết và cũng thừa nhận khoản nợ, vì vậy bà L mới cho vay. Từ khi chốt nợ đến nay, bà H1 chỉ trả cho bà L nhiều lần với tổng số tiền khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Mỗi lần trả nợ, bà L đều có ký nhận trong sổ của bà H1. Nay, bà L yêu cầu bà H1 và ông Đ thanh toán số tiền còn lại là 89.500.000 đồng.

*\* Bị đơn, bà Nguyễn Thị Bích H1 trình bày:*

Bà H1 thừa nhận có nợ bà Vũ Thị L số tiền 96.500.000 đồng vào năm 2018. Khoản tiền này gồm một phần tiền vay, một phần tiền lãi và một phần tiền hui. Giấy xác nhận nợ với nội dung: “*Hạnh thiếu Liều 96.500 chín 6 triệu năm trăm. Hứa mỗi tháng trả một triệu năm trăm bắt đầu từ ngày 12 tháng mười dương lịch 2018 góp*” là do bà viết. Tuy nhiên, sau khi viết giấy xác nhận nợ trên, bà đã thanh toán cho bà L mỗi tháng 2.000.000 đồng, liên tục từ ngày 12/10/2018 đến ngày 10/11/2022, ngoại trừ 03 tháng năm 2021 do nghỉ việc vì dịch Covid-19. Tổng số tiền bà đã trả cho bà L là 90.000.000 đồng, chỉ còn lại 6.000.000 đồng chưa thanh toán. Việc trả nợ được thực hiện bằng tiền mặt tại khu vực trước cổng một công ty sản xuất áo phao ở ngã ba Đ (không rõ tên), nơi bà L buôn bán cá chiên. Bà không rõ có ai chứng kiến việc trả tiền hay không, nhưng mỗi lần trả nợ, bà L đều viết giấy xác nhận; do thời gian đã lâu nên bà không còn giữ các giấy xác nhận này.

Đối với số tiền còn lại 6.000.000 đồng, bà cho rằng thực chất đây là tiền lãi. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà có xin miễn trả và bà L đã đồng ý. Đến năm 2023, khi thấy bà bán được mì, bà L yêu cầu thanh toán nhưng bà không trả nên bà L khởi kiện. Theo bà, số nợ trên đã được thanh toán xong, vì vậy bà không đồng ý trả thêm.

Đối với ông Bùi Văn Đ, bà H1 khẳng định ông Đ không biết, cũng không liên quan đến khoản nợ trên, nên ông không đồng ý tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không chấp nhận nghĩa vụ trả nợ.

*\* Ông Bùi Văn Đ vắng mặt nên không có ý kiến.*

*\* Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị bà H1 và ông Đ liên đới trả số tiền vay 89.500.000 đồng, đối với tiền lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả.

Bị đơn, bà H1 thừa nhận có nợ bà L số tiền 96.500.000 đồng, nhưng cho rằng đã trả xong nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Đại diện VKSND khu vực 11 – Tây Ninh phát biểu:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm giải quyết vụ án thấy rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 27, 37, 45 Luật HNGĐ; Điều 463, 466, 468, 470 BLDS Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà H1, ông Đ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản:

- Buộc bà H1 có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 89.500.000 đồng.
- Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Đ có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà L.

Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Giữa bà Vũ Thị L và bà Nguyễn Thị Bích H1 có phát sinh giao dịch dân sự vay tài sản, được xác lập bằng “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 12/10/2018. Bà L cho rằng bà H1, ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn cung cấp “*Giấy xác nhận nợ*” có nội dung bà H1 thừa nhận nợ 96.500.000 đồng và cam kết trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng. Bị đơn bà H1 cũng thừa nhận chữ viết trong giấy xác nhận là của mình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sự thừa nhận của đương sự là tình tiết không phải chứng minh. Vì vậy, có căn cứ xác định bà H1 đã vay của bà L số tiền 96.500.000 đồng.

[3] Về quá trình thực hiện nghĩa vụ: Bà H1 trình bày đã trả cho bà L tổng cộng 90.000.000 đồng từ năm 2018 đến năm 2022, còn nợ 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H1 không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc đã trả (như giấy biên nhận, nhân chứng, tài liệu, ...). Ngược lại, bà L thừa nhận chỉ nhận được từ 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng. Theo Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nghĩa vụ chứng minh thuộc về bà H1. Do không chứng minh được, nên lời khai của bà H1 không có căn cứ chấp nhận. Tòa án xác định đến nay bà H1 còn nợ bà L số tiền 89.500.000 đồng.

[4] Về trách nhiệm của ông Bùi Văn Đ:

Nguyên đơn cho rằng khi bà H1 vay tiền, có gọi điện thoại trao đổi với ông Đ nên ông Đ biết và đồng ý. Tuy nhiên, giấy xác nhận nợ ngày 12/10/2018

chỉ do một mình bà H1 lập, không thể hiện chữ ký hay sự thỏa thuận cùng ông Đ.

Theo khoản 1 Điều 27 và Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Trong vụ án này, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền bà H1 vay dùng để chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, cũng như không chứng minh được ông Đ có cùng thỏa thuận vay hoặc thừa nhận khoản nợ.

Do đó, không có cơ sở xác định đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng, nên ông Bùi Văn Đ không phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà H1 đối với khoản vay 89.500.000 đồng.

[5] Về lãi suất: Bà L không yêu cầu bà H1 trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Theo khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bà Nguyễn Thị Bích H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà L là 89.500.000 đồng.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 91, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27 và Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H1. Buộc bà Nguyễn Thị Bích H1 có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị L số tiền là 89.500.000 đồng (bằng chữ: T mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Vũ Thị L đối với ông Bùi Văn Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích H1 phải nộp số tiền án phí là 4.475.000 đồng (bằng chữ: Bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà Vũ Thị L được nhận lại 2.412.000 đồng (bằng chữ: Hai triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005457 ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND KV 11- TN;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phan Thị Phương**